

THỜI TIẾT VỤ ĐÔNG XUÂN 1993 - 1994

PTS. Phạm Đức Thi

Cục Dự báo KTTV.

I. DẶT VẤN ĐỀ

Vụ sản xuất đông xuân 1993 - 1994 đã kết thúc với kết quả rất tốt đẹp. Tuy ở một số tỉnh miền Trung, miền núi và trung du phía bắc bị thiệt hại, nhưng cả nước được mùa, sản lượng thóc đạt 10,5 triệu tấn, tăng 1,2 triệu tấn so với năm ngoái và là năm có sản lượng cao nhất trong các vụ đông xuân từ trước đến nay. Trừ hai tỉnh mất mùa là Thừa Thiên - Huế và Quảng Trị, nhiều tỉnh đạt năng suất lúa trên 5 tấn/ha (Nam Hà, Phú Yên, vùng đồng bằng sông Cửu Long) hoặc trên 6 tấn/ha (Thái Bình, An Giang...).

Nguyên nhân thắng lợi của vụ đông xuân năm nay, ngoài nhân tố cơ chế mới, tiến bộ kỹ thuật (giống mới, thủy lợi, chăm sóc...), phải kể đến thời tiết rất thuận lợi trên phạm vi cả nước, đặc biệt là ở đồng bằng sông Cửu Long.

Trong bài này tác giả đề cập đến diễn biến một số yếu tố khí tượng nhằm góp phần làm sáng tỏ sự đóng góp của điều kiện thời tiết vào thắng lợi vụ đông xuân 1993 - 1994.

II. DIỄN BIẾN CỦA THỜI TIẾT VỤ ĐÔNG XUÂN 1993 - 1994

Nhìn khái quát có thể nói mùa đông 1993 - 1994 là một mùa đông ấm bình thường. Nhiệt độ trung bình ba tháng chính đông (tháng XII, tháng I và tháng II) ở các nơi chỉ cao hơn trung bình nhiều năm (TBNN) dưới 1°C , tại Hà Nội $\Delta T = 0,9^{\circ}\text{C}$. Chỉ số K ($K = \Delta T/\sigma$) đạt 0,82, thấp hơn đông xuân 1992 - 1993: 0,25.

Số đợt không khí lạnh (KKL) từ tháng XI-1993 đến tháng IV-1994 đạt 17, ít hơn TBNN 3 đợt, nhiều hơn vụ đông xuân 1992 - 1993: 5 đợt (bảng 1).

Bảng 1. Số đợt không khí lạnh. Trạm Hà Nội (Láng)

Tháng Năm	XI	XII	I	II	III	IV	Tổng số
1993 - 1994	3	4	2	4	3	1	17
1992 - 1993	4	2	1	2	2	1	12
TBNN	3,7	3,5	4,0	3,0	2,9	2,8	19,9

Để đánh giá mức độ ấm hoặc rét của mùa đông, chỉ căn cứ vào số đợt KKL là chưa đủ, cần xét thêm số đợt và số ngày rét đậm (bảng 2).

Bảng 2. Số đợt (SD) và số ngày (SN) rét đậm. Trạm Hà Nội (Láng)

	Tháng Năm	XI	XII	I	II	III	Tổng số
SD	1993 - 1994	0	1	1	1	0	3
	1992 - 1993	0	1	1	0	0	2
	TBNN	0,1	0,8	1,6	1,4	0,3	4,2
SN ($\bar{t}_{\text{ngày}} \leq 15^{\circ}\text{C}$)	1993 - 1994	0	4	5	4	4	17
	1992 - 1993	0	3	16	1	2	22
	TBNN	0,6	5,2	12,9	10,3	2,1	31,1

Cả mùa đông có 3 đợt rét đậm, ít hơn TBNN 1,2 đợt. Các đợt rét đậm chỉ kéo dài 3 - 5 ngày, trong khi mùa đông 1992 - 1993 đợt rét đậm trong tháng I kéo dài tới 16 ngày và trong lịch sử gần 40 mùa đông xuất hiện những đợt rét đậm kéo dài 20 - 25 ngày, thậm chí 30 ngày (từ 19-XII-1984 đến 17-I-1985). Số ngày rét đậm mùa đông 1993 - 1994 ít hơn mùa đông 1992 - 1993: 5 ngày và ít hơn TBNN: 14,1 ngày. Số ngày có nhiệt độ trung bình $\leq 13^{\circ}\text{C}$ chỉ đạt 5 ngày, chưa bằng một nửa của mùa đông 1992 - 1993 và TBNN (bảng 3).

Bảng 3. Số ngày nhiệt độ trung bình $\leq 13^{\circ}\text{C}$

Tháng Năm	XII	I	II	III	Tổng số
1993 - 1994	0	4	1	0	5
1992 - 1993	2	10	0	0	12
TBNN	2,1	5,3	4,8	0,4	12,6

Tại một số tỉnh khác thuộc đồng bằng Bắc Bộ có thể tính thêm đợt rét đậm từ 22 - 24-XII-1993, như vậy, ở các nơi này có tới 4 đợt rét đậm, xấp xỉ TBNN.

Các đợt rét đậm xuất hiện xen kẽ trong ba tháng chính đông với thời gian không kéo dài và mức độ rét không sâu là đặc thù của mùa đông 1993 - 1994,

cùng với lượng ẩm vừa phải và số giờ nắng cao trong thời kỳ then chốt của cây trồng, đã tạo nên yếu tố vật chất quan trọng cho thắng lợi của vụ đông xuân 1993 - 1994.

Xin điểm qua diễn biến thời tiết của từng tháng. Các giá trị chuẩn sai theo số liệu ghi nhanh tại bảng 4.

Tháng XI - 1993. Có 3 đợt KKL vào các ngày 12, 21 và 26. Đợt KKL ngày 21 mạnh hơn cả, sau 24 giờ nhiệt độ giảm 7 - 10°C. Song nhiệt độ tối thấp tuyệt đối ở vùng núi phía bắc phổ biến đạt 10 - 11°C, tại Sìn Hồ, 3,8°C, ở đồng bằng và vùng ven biển Bắc Bộ: 12,5 - 13,5°C. Nhiệt độ trung bình cả tháng xấp xỉ TBNN.

Lượng mưa trong phạm vi cả nước thấp hơn TBNN, số giờ nắng cao hơn TBNN.

Tháng XII - 1993. Có 4 đợt KKL vào các ngày 4, 10, 14 và 21. Sau đợt KKL ngày 14 xuất hiện đợt rét đậm đợt ngọt kéo dài 3 - 4 ngày ở đồng bằng Bắc Bộ. Đây là đợt rét đậm đầu tiên trong mùa đông, sớm hơn TBNN tới 11 ngày. Đáng mừng là phương pháp thống kê của chúng ta đã dự báo khá chính xác đợt rét đậm này ngay từ giữa tháng X-1993. Trong đợt rét đậm này nhiệt độ tối thấp tuyệt đối ở vùng núi xuống tới 7 - 8°C, Sa Pa: 3,6°C, ở đồng bằng Bắc Bộ: 10 - 11°C, Bắc Trung Bộ: 11 - 12°C. Tiếp sau là đợt rét đậm từ 22 - 24-XII, thậm chí tại Hải Dương đợt rét đậm này kéo dài tới 8 ngày. Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối ở vùng núi xuống tới 0,4°C (Lạng Sơn), thậm chí -2,6°C (Sìn Hồ), ở đồng bằng Bắc Bộ có nơi đạt 6,5°C (Hải Dương), Bắc Trung Bộ: 9,5°C (Vinh).

Nhiệt độ trung bình tháng tại Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ thấp hơn TBNN, Nam Trung Bộ và Nam Bộ xấp xỉ TBNN.

Lượng mưa, trừ khu vực Đồng Hới đến Nha Trang cao hơn TBNN, các nơi khác đều thấp hơn TBNN.

Số giờ nắng ở hầu hết các nơi trong phạm vi toàn quốc thấp hơn TBNN.

Tháng I-1994. Có 2 đợt KKL vào các ngày 13 và 18. Đợt rét đậm kéo dài từ 19 đến 24 chấm dứt đợt nắng ấm kéo dài từ đầu tháng. Trong đợt rét đậm này nhiệt độ tối thấp tuyệt đối ở vùng núi xuống 6- 7°C, tại Sa Pa: 1,4°C, ở đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ: 9 - 10°C.

Nhiệt độ trung bình tháng ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ cao hơn TBNN phổ biến từ 1,0 - 1,6°C, Nam Trung Bộ và Nam Bộ 0,2 - 0,4°C.

Lượng mưa thấp hơn TBNN, một vài nơi ở Nam Trung Bộ và Tây Nguyên không mưa (Phan Thiết, Plây Cu, Đà Lạt).

Số giờ nắng tại một vài nơi thuộc Nam Trung Bộ và Nam Bộ cao hơn TBNN, các nơi khác đều thấp hơn TBNN.

Tháng II-1994. Có 4 đợt KKL vào các ngày 9, 12, 15 và 25. Đợt KKL ngày

Bảng 4. Chuẩn sai nhiệt độ, lượng mưa và thời gian nắng tại một số trạm

Số TT	Tên trạm	Nhiệt độ (°C)					Lượng mưa (mm)					Thời gian nắng (giờ)										
		XI	XII	I	II	III	IV	V	XI	XII	I	II	III	IV	V	XI	XII	I	II	III	IV	V
1	Lai Châu	-0.3	+0.2	+10	+13	-13	+12	+0.3	-51	-15	-21	-39	+31	-21	+60	-19	-8	-9	+52	-55	+81	-34
2	Sơn La	+0.2	-0.3	+18	+39	-19	-0.8	x	-10	-7	-16	-17	+29	-49	x	+48	-1	+4	+65	-44	+15	x
3	Lào Cai	-0.3	-15	0.0	+25	-23	+18	+0.3	-51	-23	-18	-27	+66	-24	+4	+81	-23	-18	+5	-57	00	-53
4	Tuyên Quang	+14	-0.6	+19	+24	-17	+24	+10	-35	-16	+7	+11	+46	-88	+175	+34	-2	-32	+4	-31	+11	-2
5	Lạng Sơn	+0.2	-12	+19	+10	-22	+19	+0.4	-20	-19	-19	+21	+45	-80	+100	+31	+41	-10	+6	-7	-6	-34
6	Phủ Thọ	+0.7	x	+16	+18	-20	+13	+0.2	-20	x	-7	+6	+27	-91	+19	+16	x	-22	-9	-20	+1	-7
7	Hòa Bình	+0.5	-0.5	+17	+20	-20	+17	+0.1	-33	-3	-11	0	+69	-26	+53	+36	-21	-14	-5	-32	+38	-7
8	Hà Nội (Láng)	+0.7	-0.7	+14	+19	-18	+16	+0.5	-27	-14	-7	+14	+78	-71	+228	+26	+17	-6	-1	-15	+20	+12
9	Phủ Liễn	+0.1	-14	+13	+17	-14	+18	+0.4	+48	-28	-16	+8	+51	-80	+8	-4	+11	-1	-8	-18	-48	+16
10	Nam Định	-0.3	-15	+10	+13	-18	+13	+0.3	-7	-19	-19	-7	+93	-52	+421	-23	-12	-22	-2	-24	-18	-8
11	Thanh Hóa	-0.4	-12	+12	+17	-16	+10	+0.2	-54	-19	-21	+14	+18	-24	+134	+37	-9	-35	-3	-26	+17	-17
12	Vinh	0.0	-17	+11	+21	-20	+10	+0.3	-142	-20	-18	+9	+5	-26	+90	170	+3	-2	-3	-39	+39	+12
13	Đồng Hới	-0.6	-15	+0.9	+23	-25	+0.4	+0.3	-203	+46	-27	+29	+25	-19	-67	142	+34	+11	+4	-78	+41	+15
14	Huế	-0.7	-12	+0.6	+19	-24	+0.6	-0.1	-85	+93	-69	-17	+13	-46	-30	122	-20	+44	+32	-40	+51	-25
15	Đà Nẵng	-0.3	-0.8	+0.4	x	-13	+0.1	+0.4	-181	+72	-56	x	+6	-26	-40	+33	-63	+9	x	+3	+49	+12
16	Qui Nhơn	+0.4	-0.6	+0.3	+16	+0.2	+10	+0.9	-36	+307	-30	-24	-8	-32	+52	+50	-87	-13	-10	-87	x	-9
17	Plây Cù	-0.1	-12	-0.6	+0.8	-0.6	-0.1	+0.1	-52	-11	-3	+11	-22	-12	-53	+41	-25	+26	0	-23	+16	-1
18	Nha Trang	+10	+0.6	+0.2	+0.6	+0.3	+0.4	+0.6	-57	+71	-37	-2	-11	-32	-8	+49	-72	+10	+20	-49	+17	+23
19	Phan Thiết	+0.7	+0.8	+0.3	+0.8	+0.9	+0.2	-0.6	-39	-5	-1	+6	-2	-11	+50	+10	-39	-10	-17	+62	+6	+6
20	TP. Hồ Chí Minh	+0.2	-0.2	+0.3	+0.9	+0.5	x	-0.4	-32	-31	-12	-4	+31	x	-84	x	x	x	x	x	x	x
21	Cần Thơ	+0.1	-0.3	+0.2	+0.4	+0.7	-0.3	-0.2	-101	-24	-8	-2	-2	-48	-24	+33	-16	+3	+14	.	+3	-21
22	Cà Mau	+0.3	0.0	+0.5	+0.7	+0.9	+0.4	+0.2	+64	-34	+7	-8	+4	+29	+172	+13	-14	+19	+18	-5	+29	-10

25 mạnh hơn cả, nhiệt độ sau 24 giờ giảm 10 - 13°C. Trong đợt này nhiệt độ thấp nhất tuyệt đối ở vùng núi xuống 7 - 8°C, Sa Pa: 4,2°C, tại vùng đồng bằng Bắc Bộ: 10-11°C, Bắc Trung Bộ: 11 - 12°C. Tuy nhiên, đợt rét đậm này chỉ kéo dài 3 ngày. Thời tiết ở các tỉnh miền Bắc ấm, nhiều mây, âm u, mưa nhỏ, mưa phùn kéo dài.

Nhiệt độ trung bình ở Bắc Bộ và Trung Bộ, cao hơn TBNN từ 1,5 - 2,5°C đạt chỉ tiêu là *tháng rất ấm* trong mùa đông, tại Tây Nguyên và Nam Bộ: 0,4 - 0,8°C. Một vài nơi thuộc khu 4 cũ và Tây Bắc đã xuất hiện một số ngày nắng nóng, nhiệt độ tối cao tuyệt đối đạt 35 - 37°C.

Lượng mưa tại khu Tây Bắc, Nam Trung Bộ và Nam Bộ thấp hơn TBNN, các nơi khác cao hơn TBNN.

Số giờ nắng ở vùng núi Bắc Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ cao hơn TBNN, các nơi khác thấp hơn TBNN.

Tháng III-1994. Có 3 đợt KKL vào các ngày 10, 13 và 26. Đợt KKL ngày 13 khá mạnh. Đáng lưu ý là một số nơi lượng mưa ngày đạt giá trị kỷ lục như ngày 27 tại Hà Nội mưa 64mm, Hải Dương: 67mm, Nam Định: 69mm.

Nhiệt độ trung bình tháng tại Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ thấp hơn TBNN từ 1,5 - 2,5°C, đạt chỉ tiêu là *tháng rất rét* trong mùa đông. Tại Nam Trung Bộ và Nam Bộ, ngược lại, cao hơn TBNN từ 0,2 - 0,9°C.

Lượng mưa ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ cao hơn TBNN, ở Nam Trung Bộ và Nam Bộ thấp hơn TBNN.

Số giờ nắng ở hầu khắp đất nước thấp hơn TBNN đặc biệt là Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ do thời tiết nhiều mây, âm u kéo dài.

Tháng IV-1994. Có 1 đợt KKL vào ngày 13. Nhiệt độ cao, mưa ít, nắng nhiều. Tổ lốc đã xảy ra ở một số nơi như Yên Bái, Quảng Bình, Kon Tum, Sóc Trăng. Ở Bắc Bộ có nơi còn kèm theo mưa đá.

Nhiệt độ trung bình tháng các nơi đều cao hơn TBNN, đặc biệt ở vùng núi, trung du và đồng bằng Bắc Bộ, từ 1,3 - 2,4°C. Ở Tây Bắc Bắc Bộ và từ Nghệ An đến Quảng Trị nhiệt độ tối cao tuyệt đối đạt trên 38°C, thậm chí tới 40,3°C (Lai Châu, ngày 11).

Lượng mưa trên phạm vi toàn quốc thấp hơn TBNN. Từ Thừa Thiên - Huế đến Khánh Hòa, nhiều nơi lượng mưa hụt TBNN trên 80% thậm chí tới 95 - 100%, đạt chỉ tiêu hạn nặng trên phạm vi rộng. Những nơi này, trong cả tháng, hoặc không mưa (Qui Nhơn) hoặc lượng mưa chỉ đạt 1mm (Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Nha Trang).

Số giờ nắng: trừ một số tỉnh thuộc vùng núi và đồng bằng Bắc Bộ thấp hơn TBNN, còn lại các nơi đều cao hơn TBNN từ 20 - 50 giờ, thậm chí tới 81 giờ (Lai Châu).

Tháng V - 1994. Có 2 đợt KKL vào các ngày 4 và 27.

Đầu tháng nắng gay gắt ở Bắc Bộ và Trung Bộ, nhiệt độ tối cao tuyệt đối đạt tới 39 - 41°C.

Nhiệt độ trung bình tháng ở các nơi xấp xỉ TBNN.

Lượng mưa từ Đồng Hới trở vào đồng bằng sông Cửu Long hầu hết thấp hơn TBNN. Các nơi thuộc Bắc Bộ và khu 4 cũ cao hơn TBNN từ 100 - 200mm, thậm chí có nơi tới 421mm (Nam Định).

Lượng mưa lớn ở đồng bằng Bắc Bộ được đóng góp chủ yếu bởi đợt mưa lớn từ 17 đến 21-V, lượng mưa cả đợt tại Hải Dương: 172mm, Hà Nội (Láng): 317mm, Nam Định: 421mm. Ngày 20-V tại Láng lượng mưa đạt 179mm, Nam Định: 265mm. Đợt mưa lớn này có ảnh hưởng nhất định tới sản xuất nông nghiệp thời kỳ cuối vụ đông xuân và đầu vụ mùa.

Số giờ nắng ở hầu khắp các nơi thấp hơn TBNN.

Tóm lại, thời tiết vụ đông xuân 1993 - 1994 rất thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp trên phạm vi toàn quốc. Thêm vào đó, tại các tỉnh miền Bắc, qua nhiều năm rút kinh nghiệm thâm canh, ngành Nông nghiệp đã hướng dẫn nông dân chuyển dịch cơ cấu mùa vụ, bố trí lịch gieo cấy, điều khiển cho lúa trổ an toàn, tập trung. Còn ở miền Nam, diện tích bị nhiễm mặn không đáng kể, lúa phát triển đều và rất tốt, sâu hại ít xảy ra do phòng trừ chu đáo. Tất cả những nhân tố đó góp phần tạo nên thắng lợi lớn của vụ lúa đông xuân 1993 - 1994 trên phạm vi cả nước. x

Hộp thư

Ban biên tập Tập san Khí tượng Thủy văn nhận được bài của các tác giả: Phan Việt Mỹ (Cục Dự báo KTTV); Phan Thanh Hội (Viện Quy hoạch - Thiết kế nông nghiệp); Trần Duy Sơn, Lê Vinh (Đài Khí tượng cao không), Hoàng Thế Xương (Đài Khí tượng cao không), Nguyễn Đăng Quế (Trung tâm liên hợp Việt Xô về khí tượng nhiệt đới).

Trân trọng cảm ơn các tác giả. Kính mong các tác giả tiếp tục cộng tác với Tập san KTTV.